

Số: **1833** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **06** tháng **5** năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT- BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 969 /TTr-SNV ngày 15 tháng 4 năm 2020 về việc ban hành 03 Đề án tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III và từ hạng III lên hạng II đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông thuộc thành phố Hà Nội năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020.



**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện Đề án**

1. Giao Sở Nội vụ tham mưu với UBND Thành phố thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020; làm nhiệm vụ Thường trực Hội đồng, tham mưu tổ chức thực hiện Đề án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thanh tra Thành phố tham mưu với UBND Thành phố thành lập Ban Giám sát và chủ trì giám sát việc tổ chức thực hiện kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận, huyện, thị xã tổ chức thẩm định hồ sơ và chịu trách nhiệm cử giáo viên có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng; phối hợp tổ chức thực hiện kỳ xét thăng hạng theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.**

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chánh Thanh tra Thành phố; Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã; các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND TP;
- UBND TP: PCT TT Nguyễn Văn Sửu,  
PCT Ngô Văn Quý;
- VP UBND TP: CVP, PCVP-V.T.Anh;  
các phòng: NC, KGVX, TKBT;
- Lưu: VT, NC, SNV(3).

14384-11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

**ĐỀ ÁN**

**Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III  
đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập  
thuộc thành phố Hà Nội năm 2020**

*(Kèm theo Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020  
của UBND Thành phố)*

**Phần I**

**CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. Cơ sở pháp lý**

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.
- Luật Viên chức ngày 15/11/2010.
- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập.
- Khoản 2 Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016.
- Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.
- Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Công văn số 1655/BNV-CCVC ngày 31/3/2020 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Thông tư số 28/2017/TT- BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập.

- Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự xét nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Các quy định của pháp luật hiện hành về chuẩn nghề nghiệp giáo viên; chuẩn hiệu trưởng các cơ sở giáo dục trung học phổ thông.

- Nghị Quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

- Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã và Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Công văn số 6089/BGDĐT-CCVC ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Bộ Nội vụ, Công văn số 4645/SGD&ĐT-GDTEX-CN ngày 14/12/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

## **II. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Hiện nay, toàn Thành phố có tổng số 28.169 giáo viên mầm non và 25.091 giáo viên tiểu học đang công tác trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Trong những năm gần đây, thực hiện các quy định của pháp luật, Thành phố đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn liên quan, UBND các quận, huyện, thị xã xây dựng các đề án về sắp xếp tổ chức bộ máy, tổ chức cán bộ và cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo của viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ được giao, triển khai thực hiện tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, phân công nhiệm vụ và quản lý viên chức theo vị trí việc làm đúng quy định. Đến nay, viên chức ngành giáo dục và đào tạo đã được chuyển xếp mã số và chức danh nghề nghiệp theo quy định mới.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập kèm theo Thông tư số

28/2017/TT- BGDĐT, trong đó hướng dẫn cụ thể việc tổ chức xét thăng hạng giáo viên từ hạng IV lên hạng III.

Việc xây dựng Đề án “Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội năm 2020” là cần thiết để góp phần nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ viên chức chuyên ngành giáo dục tại các cơ sở giáo dục của Thành phố, đáp ứng đúng yêu cầu công việc tại vị trí việc làm đang được phân công, góp phần nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công về giáo dục bậc mầm non, tiểu học và thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên.

## **Phần II**

### **MỤC TIÊU, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG**

#### **I. Mục tiêu của Đề án**

Nhằm xây dựng và thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ giáo viên đang làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học công lập thuộc Thành phố có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định được xét thăng hạng viên chức từ hạng IV lên hạng III, phù hợp với vị trí việc làm; qua đó góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học của Thành phố đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục Thủ đô trong giai đoạn hiện nay.

#### **II. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi**

Đề án này quy định việc tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III theo quy định của pháp luật đối với giáo viên mầm non, tiểu học các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc các sở (có cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học), UBND quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội.

##### **2. Đối tượng**

Viên chức chuyên ngành giáo dục, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (sau đây gọi chung là giáo viên), đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng IV theo quy định tại các Thông tư liên tịch số 20, số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học công lập, đang làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học công lập thuộc Thành phố, có khả năng đảm nhận hoặc đang làm việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III. Các chức danh nghề nghiệp hạng IV, cụ thể là:

- Giáo viên mầm non hạng IV, mã số V.07.02.06 (thăng hạng lên Giáo viên mầm non hạng III, mã số V.07.02.05);

- Giáo viên tiểu học hạng IV, mã số V.07.03.09 (thăng hạng lên Giáo viên tiểu học hạng III, mã số V.07.03.08).

**Phần III**  
**SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**  
**VÀ NHU CẦU ĐĂNG KÝ DỰ THI THĂNG HẠNG**

**I. Số lượng, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học thuộc các cơ sở giáo dục công lập thuộc thành phố Hà Nội**

**1. Số lượng được giao và cơ cấu giáo viên theo chức danh nghề nghiệp**

Tính đến ngày 28/02/2020, số lượng viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp:

- Giáo viên mầm non được giao trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là 31.378 người.

- Giáo viên tiểu học được giao trong các cơ sở giáo dục công lập thuộc UBND quận, huyện, thị xã và thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là 26.869 người.

Theo quy định tại Quyết định số 4888/QĐ-UBND ngày 24/7/2017 của UBND Thành phố về việc phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục mầm non công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã và Sở Giáo dục và Đào tạo, số lượng giáo viên mầm non, tiểu học nêu trên được xác định giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học hạng IV trở lên; viên chức trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội được xác định giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng III trở lên. Tuy nhiên, trong Quyết định Thành phố chưa xác định cơ cấu theo từng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên cụ thể

Căn cứ các quy định của pháp luật hiện hành; căn cứ Khoản 2 Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016; sau khi xem xét đề nghị của UBND quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo và báo cáo của Sở Nội vụ, để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, UBND Thành phố thống nhất xác định cơ cấu viên chức theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học thuộc các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập của UBND quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2020 như sau:

\* *Khối các đơn vị sự nghiệp giáo dục mầm non công lập thuộc Thành phố:* Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non được giao là 31.378 người, cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non trong năm 2020 gồm: 479 giáo viên mầm non hạng II; 20.507 giáo viên mầm non hạng III; 10.392 giáo viên mầm non hạng IV.

\* *Khối các đơn vị sự nghiệp giáo dục tiểu học, phổ thông cơ sở công lập thuộc Thành phố:* Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học được giao là 26.869 người; cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học trong năm 2020 gồm: 6.489 giáo viên tiểu học hạng II; 14.352 giáo viên tiểu học hạng III; 6.028 giáo viên tiểu học hạng IV.

\* *Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo:* trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội:

- Có tổng số 03 viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, trước mắt xác định cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non trong năm 2020 gồm: 01 giáo viên mầm non hạng II; 02 giáo viên mầm non hạng III.

- Có tổng số 02 viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học, trước mắt xác định cơ cấu viên chức giáo viên theo các hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học trong năm 2020 gồm: 01 giáo viên tiểu học hạng II; 01 giáo viên tiểu học hạng III.

## **2. Số lượng, cơ cấu giáo viên hiện có theo chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học**

### **2.1. Giáo viên mầm non**

- Khối các cơ sở giáo dục mầm non công lập: Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện có là 28.166 người, gồm: 175 giáo viên mầm non hạng II; 555 giáo viên mầm non hạng III; 27.376 giáo viên mầm non hạng IV.

- Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục: Trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội: Tổng số viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện có là 03 người, gồm: 01 giáo viên mầm non hạng III; 02 giáo viên mầm non hạng IV.

### **2.2. Giáo viên tiểu học**

- Khối các cơ sở giáo dục tiểu học, phổ thông cơ sở công lập: Tổng số viên chức, công chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hiện có là 25.089 người, gồm: 4.332 giáo viên tiểu học hạng II; 6.996 giáo viên tiểu học hạng III; 13.643 giáo viên tiểu học hạng IV.

- Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (trường Trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường Bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội): Tổng số viên chức giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hiện có là 02 người, gồm: 01 giáo viên tiểu học hạng III; 01 giáo viên tiểu học hạng IV.

## **II. Số lượng giáo viên mầm non, tiểu học hạng III còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm trong năm 2020**

Căn cứ cơ cấu nhu cầu và thực trạng nêu trên, số lượng giáo viên mầm non, tiểu học hạng III còn thiếu theo yêu cầu của vị trí việc làm trong năm 2020 là 28.585 người, cụ thể:

### **1. Khối mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở công lập còn thiếu là 28.582 người**

- Số lượng giáo viên mầm non hạng III còn thiếu là 20.099 người.

- Số lượng giáo viên tiểu học hạng III còn thiếu là 8.483 người.

**2. Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục** (trường trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội) xác định nhu cầu bố trí tổng số giáo viên tiểu học, mầm non hạng III còn thiếu là 03 người:

- Số lượng giáo viên mầm non hạng III còn thiếu là 02 người.

- Số lượng giáo viên tiểu học hạng III còn thiếu là 01 người.

#### **Phần IV**

### **TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN, HỒ SƠ, DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN, NỘI DUNG, HÌNH THỨC XÉT THĂNG HẠNG**

#### **I. Tiêu chuẩn, điều kiện**

Giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng khi có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Khi cơ sở giáo dục nơi viên chức giáo viên đang công tác có nhu cầu về vị trí việc làm của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học hạng III-hạng đăng ký dự xét thăng hạng và được Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND cấp huyện có văn bản cử tham dự kỳ thăng hạng.

2. Giáo viên được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 (ba) năm học liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ (các năm học: 2016- 2017, 2017-2018, 2018- 2019 và đến hết 17 giờ ngày 28 tháng 02 năm 2020); có đủ phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền.

3. Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng, năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp giáo viên giáo viên mầm non, tiểu học hạng III (tính đến 17 giờ 28/02/2020) quy định tại Điều 5 của Thông tư liên tịch số 20/2015/TTLT-BGDĐT-BNV, Điều 5 của Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học công lập, trong đó có yêu cầu:

3.1. Tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ và tin học đối với giáo viên mầm non, tiểu học hạng IV dự xét thăng hạng lên hạng III, như sau:

- Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 2 (A2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT), hoặc chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B tương đương trình độ A2 (thực hiện theo Công văn số 6089/BGDĐT-CCVC ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi Bộ Nội vụ, Công văn số 4645/SGD&ĐT-GDTCX-CN ngày 14/12/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học), hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với vị trí việc làm có yêu cầu tiếng dân tộc.

Giáo viên dạy ngoại ngữ phải có trình độ ngoại ngữ thứ hai đạt bậc 2 (A2) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

Chứng chỉ ngoại ngữ trình độ C, B1, B2, C1, C2; các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đã cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ bậc 2 quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT.

Bên cạnh đó, theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ tại Công văn số 1655/BNV-CCVC ngày 31/3/2020: Giáo viên có các loại văn bằng sau đây thì đáp ứng đủ tiêu chuẩn, trình độ ngoại ngữ:

- + Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên về ngoại ngữ;
- + Bằng tốt nghiệp đại học, sau đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp cho người học toàn thời gian ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập bằng tiếng nước ngoài;
- + Bằng tốt nghiệp thạc sĩ, tính từ ngày 15/4/2011 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28/02/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, trước khi bảo vệ luận văn phải đạt trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3 trở lên theo khung Châu Âu);
- + Bằng tốt nghiệp tiến sĩ, tính từ ngày 22/6/2009 trở lại đây (theo quy định tại Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ và Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT trước khi bảo vệ luận án có chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4 trở lên theo khung Châu Âu).

- Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT). Chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin). Đối với giáo viên đã được cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng chỉ trình độ sơ cấp nghề tin học ứng dụng, tin học văn phòng, tin học cơ sở..., mà thời gian, nội dung đào tạo, bồi dưỡng để cấp các chứng chỉ này tương đương với nội dung, thời gian bồi dưỡng để cấp chứng chỉ tin học ứng dụng trình độ A, B, C hoặc chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản thì được xác định đủ tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ tin học để được dự kỳ thăng hạng viên chức giáo viên năm 2020.

3.2. Tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với Giáo viên mầm non hạng IV dự xét thăng hạng lên hạng III:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;
- Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non;
- Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;
- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên;
- Tính đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ: Có thời gian công tác giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non

hạng IV từ đủ 01 (một) năm trở lên; có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên trước thời điểm thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III.

\* Tiêu chuẩn, điều kiện khác đối với giáo viên tiểu học hạng IV dự xét thăng hạng lên hạng III:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

- Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên;

- Được công nhận là chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên;

- Tính đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ: có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV từ đủ 01 (một) năm trở lên; có Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên, thời điểm tốt nghiệp trước thời điểm thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên;

- Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III.

4. Trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên

4.1. Giáo viên tính đến ngày 31/12/2020 (năm tổ chức xét thăng hạng), có tuổi đời từ đủ 55 tuổi trở lên đối với nam và từ đủ 50 tuổi trở lên đối với nữ thì được miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học theo quy định của hạng chức danh nghề nghiệp.

4.2. Trong trường hợp giáo viên thuộc tiểu mục 4.1 nêu trên có trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định về trình độ ngoại ngữ, tin học tối thiểu của hạng thì vẫn được xét để tính điểm tăng thêm.

## **II. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng**

### **1. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của giáo viên**

Hồ sơ đăng ký dự thăng hạng của giáo viên mầm non, tiểu học từ hạng IV lên hạng III, thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày

18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2012/TT-BNV).

Hồ sơ được đựng trong túi bằng bìa cứng cỡ 25cm x 34cm, bên ngoài ghi rõ: Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng giáo viên mầm non (hoặc tiểu học) từ hạng IV lên hạng III năm 2020, họ và tên của người đăng ký dự xét, thống kê đầy đủ danh mục các giấy tờ có trong hồ sơ và số điện thoại cần liên hệ. Tài liệu trong hồ sơ sắp xếp theo đúng thứ tự sau đây, bao gồm:

1.1. Đơn đăng ký dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp (theo mẫu).

1.2. Bản sơ yếu lý lịch của giáo viên có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý (theo mẫu sơ yếu lý lịch ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV).

1.3. Bản nhận xét, đánh giá giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm học liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ của Hiệu trưởng trường mầm non hoặc tiểu học công lập đối với giáo viên không giữ chức vụ quản lý hoặc của Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, Giám đốc Sở đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng (các năm học: 2016- 2017, 2017-2018, 2018- 2019 và đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2020, theo mẫu quy định).

1.4. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III, tiểu học hạng III theo quy định, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực; (như đã liệt kê tại tiểu mục 3 mục I trên đây). Các loại văn bằng, chứng chỉ bằng tiếng nước ngoài phải được công chứng, dịch thuật sang Tiếng Việt.

Giấy xác nhận học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam của cơ sở đào tạo đối với trường hợp tốt nghiệp đại học, sau đại học học bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam; Giấy xác nhận văn bằng được cấp bởi Trung tâm Công nhận văn bằng, Cục Quản lý chất lượng- Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường hợp tốt nghiệp đại học, sau đại học tại nước ngoài.

Các văn bằng, chứng chỉ, xác nhận khác chứng minh đủ điều kiện về trình độ ngoại ngữ, tin học và miễn xét trình độ ngoại ngữ, tin học (nếu có).

1.5. Bản sao: Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng hoặc quyết định tuyển dụng của cấp có thẩm quyền, hợp đồng làm việc đối với viên chức theo quy định của pháp luật; quyết định bổ nhiệm ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng IV tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên; thời gian giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng IV tối thiểu từ đủ 01 (một) năm trở lên; quyết định tiếp nhận, điều động (nếu có); quyết định bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý (đối với Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng); quyết định nâng bậc lương hiện hưởng;

1.6. Các loại văn bản, giấy tờ chứng minh thành tích trong quá trình công tác:

- Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc Quyết định hoặc Thông báo hoặc văn bản công nhận giáo viên mầm non dạy giỏi cấp trường trở lên (đối với giáo viên mầm non).

- Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc Quyết định hoặc Thông báo hoặc văn bản công nhận giáo viên tiểu học dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên (đối với giáo viên tiểu học).

1.7. Bản nhận xét và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III:

\* Đối với giáo viên mầm non: Bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III:

- Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ;

- Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn;

- Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên;

- Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có.

\* Đối với giáo viên tiểu học: Bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III:

- Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới;

- Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp;

- Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên;

- Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên;

- Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi;

- Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên.

### 1.8. Biên bản và các minh chứng (nếu có) về các nội dung sau:

\* Đối với giáo viên mầm non: Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau:

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non;

Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

\* Đối với giáo viên tiểu học: Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau:

- Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

- Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

- Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

- Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học;

- Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên.

## 2. Trách nhiệm quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

2.1. Chủ tịch UBND quận, huyện, thị xã, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo (có cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, cơ sở bồi dưỡng chuyên ngành giáo dục trực thuộc) chịu trách nhiệm xét duyệt, thẩm định hồ sơ, cử giáo viên có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng và lưu giữ, quản lý hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng theo quy định;

2.2. Giáo viên dự xét thăng hạng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực đối với các nội dung trong hồ sơ dự xét thăng hạng. Giáo viên sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp, kê khai không đúng sự thật để đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, khi bị phát hiện sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định và hủy kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

### III. Danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự xét thăng hạng

Trong thời gian xây dựng Đề án, đến ngày 28/02/2020, UBND các quận, huyện, thị xã, Sở Giáo dục và Đào tạo đã có văn bản đăng ký nhu cầu chỉ tiêu

thăng hạng (số giáo viên hạng III còn thiếu theo yêu cầu vị trí việc làm, đã nêu tại mục II phần IV Đề án này), đồng thời xác định đủ tiêu chuẩn, điều kiện và cử 20.055 giáo viên mầm non, tiểu học hạng IV dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III, cụ thể như sau:

**1. Khối mầm non, tiểu học, phổ thông cơ sở công lập có tổng số 20.053 giáo viên được cử dự thăng hạng, gồm:**

- Có 13.983 giáo viên mầm non đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III.

- Có 6.070 giáo viên tiểu học đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học từ hạng IV lên hạng III.

**2. Khối sự nghiệp giáo dục khác thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo** (trường trung cấp SP Mẫu Giáo - Nhà trẻ Hà Nội và Trường bồi dưỡng cán bộ giáo dục Hà Nội) có 02 giáo viên mầm non đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non từ hạng IV lên hạng III.

*(Có danh sách chi tiết kèm theo)*

**IV. Nội dung, hình thức xét thăng hạng, xác định người trúng tuyển**

**1. Nội dung, hình thức xét thăng hạng**

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mầm non, tiểu học từ giáo viên hạng IV lên giáo viên hạng III: Thông qua việc xét và chấm điểm hồ sơ theo quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên hạng III của mỗi cấp học.

**2. Cách tính điểm hồ sơ xét thăng hạng**

2.1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm 100. Tổng điểm của hồ sơ xét thăng hạng bao gồm điểm chấm hồ sơ và điểm tăng thêm. Không làm tròn số khi cộng điểm.

2.2. Điểm hồ sơ là 100 điểm, cụ thể:

2.2.1. Nhóm tiêu chí đánh giá về khả năng thực hiện nhiệm vụ của giáo viên ở hạng đề nghị xét: 5,0 điểm;

2.2.2. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, bồi dưỡng: 20 điểm;

2.2.3. Nhóm tiêu chí về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ: 75 điểm.

2.2.4. Quy định điểm chi tiết của từng tiêu chí tại phụ lục kèm theo Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT và được nêu cụ thể tại phụ lục kèm theo Đề án này.

2.3. Điểm tăng thêm:

- Điểm tăng thêm được thực hiện đối với những trường hợp sau: Có trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học cao hơn so với quy định của hạng (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc tiểu mục 2.2.2 nêu trên); có thành tích được tặng bằng khen từ cấp tỉnh, Bộ trở lên; giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cao hơn so với quy định của hạng; giáo viên có học sinh đoạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia trong cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức (không tính các cuộc thi do các cơ quan, đơn vị ngoài ngành Giáo dục tổ chức), giáo viên có học sinh trong đội tuyển học sinh dự

thi khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế và giáo viên có học sinh đoạt giải khoa học kỹ thuật, văn hóa, thể thao khu vực Đông Nam Á, Châu Á Thái Bình Dương, quốc tế (tính vào điểm của nhóm tiêu chí thuộc tiêu mục 2.2.3 nêu trên);

- Điểm tăng thêm tính cho mỗi minh chứng của tiêu chuẩn, tiêu chí do Hội đồng xét thăng hạng quy định nhưng không vượt quá 5,0 điểm. Đối với những tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiều minh chứng để tính điểm tăng thêm thì chỉ tính điểm tăng thêm cho minh chứng có giá trị cao nhất.

2.4. Đối với những trường hợp miễn xét trình độ ngoại ngữ và tin học trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên quy định tại Điều 9 của Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT (đã nêu tại tiêu mục 4 phần I Đề án này) vẫn được tính điểm theo số điểm quy định của tiêu chuẩn, tiêu chí đó để bảo đảm tổng điểm hồ sơ là 100 điểm.

### **3. Xác định người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả**

3.1. Người được thăng hạng chức danh nghề nghiệp trong kỳ xét thăng hạng phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ hồ sơ kèm theo các minh chứng theo quy định;

- Kết quả được xét bằng điểm chấm hồ sơ phải đạt 100 điểm trở lên. Trong đó, điểm của mỗi nhóm tiêu chí phải đạt tối thiểu theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT.

3.2. Kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, tiểu học được thông báo tới cá nhân, đơn vị tham dự kỳ xét chậm nhất sau 15 ngày làm việc, tính từ thời điểm hoàn thành kỳ xét thăng hạng.

3.3. Giáo viên không được thăng hạng trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2020 không được bảo lưu kết quả cho kỳ xét thăng hạng lần sau.

## **V. Kinh phí, thời gian, địa điểm**

### **1. Kinh phí**

Kinh phí tổ chức thi thăng hạng thực hiện trích từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành, UBND Thành phố đã giao cho Sở Nội vụ để tổ chức thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

Lệ phí dự xét được thu theo quy định tại Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. Nghị Quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND Thành phố về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.

### **2. Thời gian tổ chức thực hiện**

Bắt đầu từ tháng 4 năm 2020.

### **3. Địa điểm**

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên có văn bản thông báo cụ thể về địa điểm tổ chức xét thăng hạng.

## Phần V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### I. Trách nhiệm của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên từ hạng IV lên hạng III năm 2020 có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 31 Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các quy định pháp luật hiện hành:

1. Hội đồng xét thăng hạng do UBND Thành phố thành lập, dự kiến có 07 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nội vụ; 01 Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng là đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ; 01 Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo; 01 Ủy viên kiêm thư ký là Trưởng phòng Công chức, viên chức; 03 Ủy viên là công chức lãnh đạo thuộc Phòng Công chức, viên chức, Phòng Xây dựng chính quyền thuộc Sở Nội vụ, Phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

2. Hội đồng xét thăng hạng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau:

- Thông báo kế hoạch, nội quy, hình thức, nội dung, thời gian và địa điểm xét thăng hạng;

- Thông báo tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng;

- Tổ chức thu phí dự xét thăng hạng và sử dụng theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức thực hiện xét thăng hạng viên chức theo quy định tại Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ Quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức; Nội quy, quy chế xét thăng hạng ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 28/2017/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông công lập;

- Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND Thành phố công nhận kết quả xét thăng hạng;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xét thăng hạng theo quy định của pháp luật.

## **II. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố**

### **1. Sở Nội vụ**

Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng xét thăng hạng, có trách nhiệm:

- Tham mưu UBND Thành phố quyết định thành lập Hội đồng xét; đề nghị Hội đồng xét quyết định thành lập các ban giúp việc Hội đồng, thực hiện các công việc khác liên quan;

- Tiếp nhận, tổng hợp danh sách viên chức giáo viên đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng theo đề nghị của UBND quận, huyện, thị xã, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; trình UBND Thành phố phê duyệt danh sách giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được các cơ quan, đơn vị cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên; kịp thời tổng hợp báo cáo của các cơ quan, đơn vị, trình Hội đồng xét thăng hạng, UBND Thành phố xem xét, xử lý, giải quyết đối với viên chức giáo viên không đủ các tiêu chuẩn, điều kiện tham dự kỳ xét thăng hạng trong quá trình tham mưu, tổ chức thực hiện Đề án;

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu, tổ chức kỳ xét thăng hạng theo quy định;

- Tham mưu, trình Chủ tịch UBND Thành phố quyết định công nhận kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên;

- Thẩm định hồ sơ của giáo viên trúng tuyển kỳ xét thăng hạng, quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp hạng III, xếp lương đối với giáo viên trúng tuyển kỳ xét thăng hạng theo quy định;

- Báo cáo UBND Thành phố kết quả xét thăng hạng.

### **2. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Cử công chức dự kiến tham gia Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo số lượng, thành phần quy định tại Đề án này, gửi Sở Nội vụ tổng hợp trình UBND Thành phố xem xét, quyết định.

- Thực hiện các nội dung như quy định tại tiêu mục 5 dưới đây.

### **3. Sở Tài chính**

Bố trí kinh phí, hướng dẫn lập dự toán, quyết toán kinh phí phục vụ kỳ xét thăng hạng theo quy định.

### **4. Thanh tra Thành phố**

Chủ trì trình UBND Thành phố quyết định thành lập Ban Giám sát và thực hiện giám sát kỳ xét thăng hạng đúng quy định.

### **5. UBND quận, huyện, thị xã**

5.1. Căn cứ hướng dẫn của Hội đồng xét thăng hạng và của Sở Nội vụ:

- Chỉ đạo phòng Nội vụ chủ trì phối hợp phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ sở giáo dục công lập phổ biến chi tiết Đề án, kế hoạch xét thăng hạng đến toàn thể giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý; chỉ đạo thực hiện đúng quy định việc tiếp

nhận, thu lệ phí đăng ký dự xét giúp Hội đồng, thẩm định hồ sơ, tổng hợp, lập danh sách giáo viên có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng;

- Căn cứ Quyết định của UBND Thành phố về việc phê duyệt Đề án và danh sách viên chức có đủ các kiện, tiêu chuẩn được cử dự xét thăng hạng, giúp Hội đồng xét thăng hạng thông báo các nội dung liên quan đến kỳ xét thăng hạng đến các đơn vị và viên chức có liên quan thuộc quyền quản lý;

- Chịu trách nhiệm về việc cử giáo viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn đi dự thăng hạng; tiếp tục rà soát, kiểm tra, thẩm định danh sách viên chức giáo viên có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đã được UBND cấp huyện lập danh sách cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên; trường hợp phát hiện viên chức không đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự thi, thì kịp thời báo cáo Hội đồng xét thăng hạng và UBND Thành phố (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, xử lý, giải quyết theo quy định;

- Hoàn chỉnh, gửi hồ sơ của giáo viên trúng tuyển kỳ xét thăng hạng về Sở Nội vụ để được thẩm định và quyết định bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp hạng III theo yêu cầu;

- Phối hợp Thường trực Hội đồng xét thăng hạng thực hiện các công việc khác liên quan;

- Lưu trữ hồ sơ theo quy định.

5.2. Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ của giáo viên đăng ký dự xét thăng hạng và báo cáo kết quả giải quyết về Sở Nội vụ để báo cáo UBND Thành phố (nếu có).

Trên đây là Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng IV lên hạng III đối với giáo viên mầm non, tiểu học các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND quận, huyện, thị xã thuộc thành phố Hà Nội năm 2020. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các sở, UBND quận, huyện, thị xã phản ánh về Sở Nội vụ (qua phòng Công chức, viên chức) để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố xem xét, giải quyết./.



**TỔNG CƠ CẤU, CHỈ TIÊU VÀ SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN ĐƯỢC CỬ DỰ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN  
MẦM NON TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020 CỦA TOÀN THÀNH PHỐ**  
(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số **1833/QĐ-UBND** ngày **06 tháng 5** năm 2020 của UBND Thành phố)

TT	Vị trí việc làm	Đề xuất cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non năm 2020				Tổng số viên chức giáo viên (cả quân lý) hiện có	Số lượng viên chức theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hiện có trong biên chế				Cơ cấu trình độ đào tạo của giáo viên hiện có (thống kê theo trình độ cao nhất, ngành phù hợp)				Số viên chức giáo viên MN hạng II còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng lên hạng II	Số viên chức giáo viên MN hạng III còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng lên hạng III	Ghi chú
		Tổng số viên chức giáo viên (cả quân lý) được giao	Hạng II	Hạng III	Hạng IV		Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp, hạng khác (nếu có)	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	<b>Tổng số toàn TP</b>	<b>31381</b>	<b>480</b>	<b>20509</b>	<b>10392</b>	<b>28169</b>	<b>175</b>	<b>556</b>	<b>27378</b>	<b>60</b>	<b>190</b>	<b>21671</b>	<b>3471</b>	<b>3869</b>	<b>305</b>	<b>148</b>	<b>20101</b>	<b>13985</b>	
I	Tổng số giáo viên thuộc ĐVSN mầm non công lập của toàn Thành phố	31378	479	20507	10392	28166	175	555	27376	60	188	21670	3471	3869	304	147	20099	13983	
II	Sự nghiệp GD khác thuộc Sở Giáo dục	3	1	2	0	3	0	1	2	0	2	1	0	0	1	1	2	2	
1	Trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục HN	2	1	1	0	2	0	1	1	0	1	1	0	0	1	1	1	1	
2	Trường Trung cấp SP Mẫu giáo - Nhà trẻ HN	1	0	1	0	1	0	0	1	0	1	0	0	0	0	0	1	1	

**TỔNG CƠ CẤU, CHỈ TIÊU VÀ SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN ĐƯỢC CỬ DỰ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN  
TIỂU HỌC TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II, TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020 CỦA TOÀN THÀNH PHỐ**

*(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)*

TT	Vị trí việc làm	Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học năm 2020				Tổng số viên chức giáo viên (cả quản lý) hiện có	Số lượng viên chức theo cơ cấu chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hiện có trong biên chế				Cơ cấu trình độ đào tạo của giáo viên hiện có (thống kê theo trình độ cao nhất, ngành phù hợp)				Số viên chức giáo viên tiểu học hạng II còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức giáo viên đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng lên hạng II	Số viên chức giáo viên tiểu học hạng III còn thiếu theo yêu cầu VTVL	Số viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện được cử dự thăng hạng lên hạng III	Ghi chú
		Tổng số viên chức giáo viên (cả quản lý) được giao	Hạng II	Hạng III	Hạng IV		Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Ngạch/ Chức danh nghề nghiệp, hạng khác (nếu có)	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	<b>Tổng số toàn TP</b>	26871	6490	14353	6028	25091	4332	6997	13644	117	438	15013	8822	814	2158	1116	8484	6070	
I	Tổng số giáo viên thuộc ĐVSN tiểu học, phổ thông cơ sở công lập của toàn Thành phố	26869	6489	14352	6028	25089	4332	6996	13643	117	436	15013	8822	814	2157	1115	8483	6070	
II	Trường Bồi dưỡng Cán bộ Giáo dục HN thuộc Sở Giáo dục	2	1	1	0	2	0	1	1	0	2	0	0	0	1	1	1	0	

**Phụ lục**  
**HƯỚNG DẪN MINH CHỨNG VÀ CHẤM ĐIỂM HỒ SƠ XÉT THĂNG HẠNG**  
**CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC CÔNG LẬP**  
**TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III**

*(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND  
 ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)*

**I. Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học (từ hạng IV lên hạng III)**

**1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)**

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III.

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa ở các lớp bồi dưỡng giáo viên tiểu học hoặc dạy thử nghiệm các mô hình, phương pháp mới (1,5 điểm);

b) Hướng dẫn sinh viên thực hành sư phạm hoặc hướng dẫn đồng nghiệp (0,5 điểm);

c) Chủ trì các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ, khối chuyên môn; viết sáng kiến kinh nghiệm; tham gia đánh giá, xét duyệt sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng của đồng nghiệp cấp trường trở lên (1,5 điểm);

d) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ giáo viên tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm);

đ) Tham gia ban giám khảo hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, tổng phụ trách đội giỏi (0,5 điểm);

e) Tham gia tổ chức, đánh giá các hội thi của học sinh tiểu học từ cấp trường trở lên (0,5 điểm).

**2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)**

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm tiểu học hoặc cao đẳng sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì chứng chỉ trình độ ngoại ngữ thứ hai bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

**SỐ LƯỢNG GIÁO VIÊN MẦM NON, TIỂU HỌC CỦA TOÀN THÀNH PHỐ**  
**ĐƯỢC CỬ DỰ THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**  
**GIÁO VIÊN TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2020**  
*(Kèm theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 1833/QĐ-UBND*  
*ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND Thành phố)*

STT	ĐƠN VỊ	Số lượng giáo viên mầm non	Số lượng giáo viên tiểu học
	<b>Tổng số</b>	<b>13985</b>	<b>6070</b>
1	Quận Ba Đình	150	163
2	Quận Hoàn Kiếm	253	98
3	Quận Đống Đa	224	192
4	Quận Hai Bà Trưng	232	156
5	Quận Cầu Giấy	384	191
6	Quận Tây Hồ	213	93
7	Quận Thanh Xuân	274	189
8	Quận Hoàng Mai	360	206
9	Quận Long Biên	538	342
10	Quận Hà Đông	557	256
11	Quận Bắc Từ Liêm	413	159
12	Nam Từ Liêm	236	97
13	Thị xã Sơn Tây	247	117
14	Huyện Gia Lâm	638	259
15	Huyện Đông Anh	928	302
16	Huyện Sóc Sơn	579	191
17	Huyện Thanh Trì	617	166
18	Huyện Ba Vì	751	429
19	Huyện Thạch Thất	532	235
20	Huyện Quốc Oai	525	168
21	Huyện Phúc Thọ	482	235
22	Huyện Đan Phượng	314	161
23	Hoài Đức	747	201
24	Huyện Chương Mỹ	579	268
25	Thanh Oai	319	158
26	Huyện Ứng Hòa	551	182
27	Huyện Mỹ Đức	535	200
28	Huyện Thường Tín	707	227
29	Huyện Phú Xuyên	591	201
30	Huyện Mê Linh	474	210
31	Sở Giáo dục và Đào tạo	35	18

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (5 điểm);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học hạng III (5 điểm).

### 3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí có xác nhận của hiệu trưởng và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học (5 điểm);

Thực hiện có hiệu quả kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học (10 điểm);

Vận dụng linh hoạt và hướng dẫn đồng nghiệp vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học (20 điểm);

Tích cực phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh tiểu học (10 điểm);

Thường xuyên vận dụng và có khả năng đánh giá hoặc hướng dẫn đồng nghiệp làm sáng kiến kinh nghiệm hoặc sản phẩm nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng cấp trường trở lên (10 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi hoặc giáo viên chủ nhiệm giỏi hoặc tổng phụ trách đội giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV hoặc tương đương từ đủ 03 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên tiểu học hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).

## II. Hướng dẫn minh chứng và chấm điểm hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non (từ hạng IV lên hạng III)

### 1. Nhiệm vụ (5,0 điểm)

Bao gồm bản nhận xét của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường có xác nhận của hiệu trưởng hoặc các minh chứng (nếu có) dự báo về khả năng thực hiện được các nhiệm vụ của hạng III.

a) Làm báo cáo viên hoặc dạy minh họa tại các lớp bồi dưỡng giáo viên mầm non cấp trường trở lên; hướng dẫn đồng nghiệp thực hiện chương trình và các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ (2 điểm);

b) Đề xuất các nội dung bồi dưỡng và sinh hoạt chuyên đề ở tổ (khối) chuyên môn (2 điểm);

c) Tham gia ban giám khảo các hội thi, đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của cấp học mầm non cấp trường trở lên (0,5 điểm);

d) Tham gia đoàn đánh giá ngoài, thanh tra, kiểm tra chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm cấp trường trở lên; tham gia hướng dẫn, đánh giá thực tập sư phạm của sinh viên nếu có (0,5 điểm).

## 2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng (20 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên (5 điểm);

b) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc (5 điểm);

c) Chứng chỉ trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (5 điểm);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non hạng III (5 điểm).

## 3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ (75 điểm)

Bao gồm các minh chứng được quy định dưới đây và các minh chứng khác (nếu có) để tính điểm tăng thêm.

a) Biên bản ghi ý kiến của đại diện ban giám hiệu, tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong trường nhận xét, đánh giá từng tiêu chí và các minh chứng (nếu có) như các sản phẩm nghiên cứu, bài soạn, tài liệu liên quan về các nội dung sau: (55 điểm)

Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non (5 điểm);

Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non (30 điểm);

Chủ động tổ chức và phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ (20 điểm);

b) Giấy chứng nhận chiến sĩ thi đua cấp cơ sở hoặc giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên (15 điểm);

c) Quyết định bổ nhiệm vào hạng (trước đây là ngạch) hoặc các minh chứng khác để xác nhận của hiệu trưởng thời gian công tác giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV hoặc tương đương từ đủ 3 (ba) năm trở lên, trong đó thời gian giữ chức danh giáo viên mầm non hạng IV từ đủ 01 (một) năm và tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trước khi thi hoặc xét thăng hạng từ đủ 01 (một) năm trở lên (5 điểm).